

## HỒ SƠ MÔ TẢ DỰ ÁN

<b>1. TÊN DỰ ÁN</b>	Dự án xây dựng Trung tâm thành phố Tuyên Quang theo hướng đô thị thông minh
<b>2. MÃ SỐ</b>	
<b>3. CƠ QUAN QUẢN LÝ DỰ ÁN</b>	<b>3.1. Thông tin cơ quan quản lý dự án:</b> - Tên cơ quan: UBND thành phố Tuyên Quang - Địa chỉ: Tổ 9, phường An Tường, thành phố Tuyên Quang - Người đại diện: Ông Tô Hoàng Linh Điện thoại: 0912121112 - Fax: 0207382330. - Email: thanhpho@tuyenquang.gov.vn - Website: http://thanhpho.tuyenquang.gov.vn <b>3.2. Lĩnh vực hoạt động/chức năng nhiệm vụ:</b> <b>3.3. Liên hệ tìm hiểu dự án:</b> - Người liên hệ: - Chức vụ: - Điện thoại: - Email:
<b>4. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN</b>	- Chất lượng cuộc sống của người dân được nâng cao: Ứng dụng các công nghệ và truyền thông (sau đây gọi tắt là ICT) để hỗ trợ giải quyết kịp thời, hiệu quả các vấn đề được người dân quan tâm (giao thông, y tế, giáo dục, an toàn thực phẩm...), nâng cao sự hài lòng của người dân. - Quản lý đô thị tinh gọn: Các hệ thống thông tin quản lý những lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật - dịch vụ chủ yếu của đô thị được số hóa, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các ngành; tăng cường sự tham gia của người dân nhằm nâng cao năng lực dự báo, hiệu quả và hiệu lực quản lý của chính quyền địa phương. - Nâng cao năng lực cạnh tranh: Xây dựng hạ tầng thông tin số an toàn, khuyến khích cung cấp dữ liệu mở để thúc đẩy các hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, giúp doanh nghiệp giảm chi phí, mở rộng cơ hội hợp tác kinh doanh trong nền kinh tế số. - Tăng cường việc đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội, phòng chống tội phạm. - Thực hiện thí điểm việc chuyển đổi số, nâng cao, ứng dụng công nghệ viễn thông, internet mới khả năng lưu trữ lớn và tốc độ truyền tải cao cho mạng lưới, dịch vụ, ứng dụng, phần mềm và thiết bị tại một số cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Đến năm 2030, thành phố Tuyên Quang tiếp cận với các đô thị thông minh hiện đại trong khu vực và trên toàn quốc trong các lĩnh vực Y tế, Giáo dục và Du lịch.
<b>5. TÌNH TRẠNG DỰ ÁN</b>	Chưa lập dự án, hiện nay thành phố đang triển khai lập Đề án xây dựng Trung tâm thành phố Tuyên Quang theo hướng đô thị thông minh, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trình UBND tỉnh phê duyệt.

<b>6. HÌNH THỨC ĐẦU TƯ</b>		
<b>7. QUY MÔ ĐẦU TƯ</b>	<b>7.1. Vốn đầu tư dự kiến</b>	- Vốn đầu tư dự kiến: 156 tỷ đồng.
	<b>7.2. Diện tích đất sử dụng</b>	
	<b>7.3. Nhu cầu về điện</b>	
	<b>7.4. Nhu cầu về nước</b>	
	<b>7.5. Nhu cầu về lao động</b>	
<b>8. CHI PHÍ ĐẦU TƯ</b>	<b>8.1. Chi phí trước đầu tư</b>	- Nghiên cứu dự án: - Tư vấn, khảo sát...
	<b>8.2. Chi phí đất đai</b>	- Tiền thuê đất: - Các loại thuế, phí liên quan:
	<b>8.3. Chi phí xây dựng</b>	- Thiết kế: - Đền bù, giải phóng mặt bằng: - Thi công:
	<b>8.4. Máy móc thiết bị</b>	- Mua trong nước: - Nhập khẩu:
	<b>8.5. Chi phí khác</b>	- Vận chuyển, bảo hiểm: - Chi phí đào tạo lao động: - ....
	<b>8.6. Vốn lưu động</b>	
<b>9. THỜI HẠN DỰ ÁN (Kế hoạch/ Tiến độ thực hiện)</b>	Giai đoạn 2024-2030	
<b>10. MONG MUỐN TÌM KIẾM ĐỐI TÁC NƯỚC NGOÀI</b>	ODA, FDT	
<b>11. TỔNG QUAN VỀ ĐỊA PHƯƠNG (Thành phố Tuyên Quang)</b>	<b>11.1. Vị trí địa lý:</b> Thành phố Tuyên Quang nằm ở phía nam tỉnh Tuyên Quang, cách Hà Nội khoảng 165 km theo quốc lộ 2 và 130 km theo đường Sơn Nam. Thành phố có vị trí địa lý: - Phía nam giáp huyện Sơn Dương - Các phía còn lại giáp huyện Yên Sơn.	
	<b>11.2. Điều kiện tự nhiên, khí hậu:</b> Khí hậu của thành phố Tuyên Quang mang đặc điểm khí hậu cận nhiệt đới ẩm, chịu ảnh hưởng của lục địa Bắc Á Trung Hoa, có 4 mùa rõ rệt, mùa đông phi nhiệt đới lạnh - khô hạn, mùa hè nóng ẩm-mưa nhiều, mùa xuân và mùa thu ngắn, mang ý nghĩa chuyển tiếp giữa 2 mùa chính là đông và hè. Lượng mưa trung bình hàng năm đạt 1.295-2.266 mm. Nhiệt độ trung bình 22°-23 °C. Độ ẩm bình quân năm là 85%.	
	<b>11.3. Dân số:</b> 136.000 người (dân số thường trú, quy đổi là 254.000 người).	
	<b>11.4. Đơn vị hành chính:</b> 15 đơn vị.	

	<b>11.5. Tình hình giáo dục, phúc lợi y tế:</b>	
<b>12. TÌNH HÌNH KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tốc độ tăng trưởng (GDP): cấp huyện không tính chỉ tiêu này.</li> <li>- GDP bình quân đầu người: 4.100 USD.</li> <li>- Tốc độ tăng trưởng công nghiệp - xây dựng (%):</li> <li>- Tỷ trọng các ngành (%):</li> <li>- Một số chỉ tiêu khác:</li> </ul>	
<b>13. HẠ TẦNG GIAO THÔNG, KẾT NỐI LOGISTICS</b>	<b>13.1. Đường bộ: 13.2. Đường hàng không: Không.</b> <b>13.3. Đường biển: Không.</b> <b>13.4. Đường sắt: Không.</b> <b>13.5. Đường sông: có.</b>	
<b>14. NGUỒN LAO ĐỘNG</b>	<b>14.1. Số lượng lao động:</b> <b>14.2. Trình độ lao động:</b> <b>14.3. Cơ sở đào tạo hiện có:</b> <b>14.4. Chi phí lao động</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lương tối thiểu:</li> <li>- Lương bình quân (USD/tháng):</li> <li>+ Quản lý:</li> <li>+ Kỹ thuật viên, kỹ sư:</li> <li>+ Nhân viên văn phòng:</li> <li>+ Lao động có tay nghề:</li> <li>+ Lao động không chuyên:</li> </ul>	
<b>15. THÔNG TIN VỀ ĐỊA ĐIỂM DỰ ÁN</b>	<b>15.1. Vị trí</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vị trí trong tỉnh:</li> <li>- Vị trí trong vùng/khu vực:</li> <li>- Khoảng cách địa điểm dự án tới đường cao tốc: 5km, quốc lộ: 1km</li> <li>- Vị trí dự án: tổ 2, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang</li> </ul>
	<b>15.2. Hiện trạng hạ tầng</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại đất:</li> <li>- Tình trạng giải phóng mặt bằng:</li> </ul>
	<b>15.3. Điện</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tình hình cung cấp điện:</li> <li>- Giá điện:</li> </ul>
	<b>15.4. Nước</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tình hình cung cấp nước:</li> <li>- Giá nước:</li> </ul>
	<b>15.5. Hệ thống xử lý chất thải/nước thải</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiện trạng:</li> <li>- Chi phí xử lý:</li> </ul>
	<b>15.6. Thông tin liên lạc</b>	Các dịch vụ hiện có:
		Giá dịch vụ:
	<b>15.7. Giao thông</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương tiện giao thông chủ yếu: ô tô, xe máy</li> <li>- Loại hình vận chuyển: ô tô</li> <li>- Chi phí đi lại/vận tải hàng hoá:</li> </ul>

	<b>15.8. Nhân lực</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khả năng cung ứng lao động: Lao động địa phương có thể đáp ứng nhu cầu lao động của dự án.</li> <li>- Chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế: Theo quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam.</li> </ul>
<b>16. CHÍNH SÁCH, ĐIỀU KIỆN ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI DỰ ÁN (Áp dụng theo quy định của Luật Đầu tư hiện hành)</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Về đất đai:</li> <li>- Thuế nhập khẩu:</li> <li>- Thuế thu nhập doanh nghiệp:</li> <li>- Các điều kiện/Ưu đãi khác:</li> </ul>	
<b>17. CƠ CẤU SẢN PHẨM VÀ NGUYÊN LIỆU</b>	<b>17.1. Cơ cấu sản phẩm</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chung loại:</li> <li>- Số lượng:</li> </ul>
	<b>17.2. Nguyên liệu</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong nước:</li> <li>- Nhập khẩu:</li> </ul>
<b>18. DỰ KIẾN LỢI NHUẬN VÀ THỜI GIAN THU HỒI VỐN</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị hiện tại thuần</li> <li>- Tỷ lệ sinh lãi</li> <li>- Tỷ lệ thu hồi vốn (IRR):</li> <li>- Thời gian thu hồi vốn</li> <li>- Thời gian hoàn trả vốn vay</li> </ul>	
<b>19. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng quan thị trường đối với sản phẩm/ dịch vụ</li> <li>- Nhu cầu/ Sự cần thiết đầu tư</li> <li>- Thị trường tiêu thụ sản phẩm/dịch vụ</li> <li>- Hiệu quả xã hội của dự án</li> </ul>	
<b>20. THỦ TỤC ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI DỰ ÁN</b>	<b>20.1. Cơ quan cấp phép, loại giấy phép:</b>	Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh
	<b>20.2. Hồ sơ dự án, số lượng bộ hồ sơ:</b>	02
	<b>20.3. Cơ quan tiếp nhận Hồ sơ:</b>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc cơ quan cấp phép dự án.
	<b>20.4. Thời hạn xem xét Hồ sơ cấp phép</b>	